

Số thứ tự	HỌC PHẦN							Kinh tế CN và quản trị chất lượng	Máy cắt kim loại	Đồ gá	Công nghệ chế tạo máy 2	Truyền động thủy lực và khí nén trong CNC	Công nghệ CNC	Công nghệ CAD/CAM			Thực tập Phay 1			Thực tập Phay 2	Thực tập CAD/CAM/ CNC	Thực tập CNC	Thực tập Tốt nghiệp	Thực tập Tốt nghiệp	TBC HỌC TẬP	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI HT		KHEN THƯỞNG	GHI CHÚ								
								3	2	4	5	2	5	5		3			3	4	2	6	44		Kỳ thi Chính		Kỳ thi Phụ											
	SỐ ĐVHT																														Kỳ thi Chính	Kỳ thi Phụ						
	MSSV	Họ tên sinh viên	HỆ CHUẨN	NGÀY NGHỈ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính					TKHP Phụ					TKHP Chính	TKHP Phụ	Kỳ thi Chính	Kỳ thi Phụ		
																																					P	K
																																					(5)	(6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(21)	(22)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)											
1	12D2010003	Phạm Long	An	2	4	6	6	5	7	6	6	2	5	5			5			7	4	6	9	5.68	6.02	59	T.Bình	TB Khá										
2	12D2010007	Lê Tuấn	Anh	0	0	8	7	7	6	7	7	8					6			7	8	7	10	7.50	79	Khá												
3	12D2010011	Trần Văn	Bảo	1	1	7	8	6	6	7	5		7	6			6			6	7	6	10	6.84	63	TB Khá												
4	12D2010012	Vũ Cao	Bến	0	3	6	8	6	6	7	4	6	6	7			6			6	5	6	9	6.30	6.52	57	TB Khá	TB Khá										
5	12D2010015	Bùi Văn	Dân	2	1	6	7	7	6	8	5	6	5	6			6			6	5	7	10	6.50	66	TB Khá												
6	12D2010019	Nguyễn Hoàng	Dĩnh	2	5	6	6	6	6	7	6	6	6	7			6			6	8	8	9	6.80	65	TB Khá												
7	12D2010023	Nguyễn Văn	Duy	3	8	5	6	6	6	7	8	6	6	6			6			6	7	5	9	6.66	61	TB Khá												
8	12D2010027	Bùi Châu Duy	Đăng	0	0	7	8	7	6	6	5	6	6	6			6			7	6	8	9	6.70	69	TB Khá												
9	12D2010031	Trần Quốc	Đại	0	3	7	7	7	6	7	4	5	6	6			6			6	6	7	10	6.61	6.73	64	TB Khá	TB Khá										
10	12D2010032	Trần Thành	Đại	3	11	5	7	6	6	6	6	6	6	6			6			6	5	6	9	6.30	54	TB Khá												
11	12D2010039	Đỗ Đại	Độ	0	0	8	8	7	7	10	7	7	7	7			6			6	7	8	7	7.23	74	Khá												
12	12D2010043	Quảng Văn	Giân	1	17	6	6	6	6	6	5	5	5	5			6			5	5	5	7	5.64	55	T.Bình												
13	12D2010048	Đậu Trọng	Hải	2	5	7	7	5	5	9	9	6	6	5			5			5	8	6	9	6.93	64	TB Khá												
14	12D2010051	Trần Minh	Hải	3	8	5	5	5	6	6	5	6	6	5			6			6	5	7	10	6.11	59	TB Khá												
15	12D2010059	Huỳnh Trung	Hiếu	0	0	8	7	8	6	8	6	6	6	7			7			7	8	5	10	7.27	67	Khá												
16	12D2010063	Phùng Quang	Hoàng	4																																		

Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc